| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SY**<br>**TỈNH Q** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **178**/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 23/6/2023
*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH Q**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Quỳnh
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Đặng Thị Huệ
2. Ông Phạm Tiến Hào

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh Q.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh Q*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SY mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2023, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **BTH**, sinh năm 1992

* *Bị đơn:* Anh **TVB**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐT, xã TQ, huyện SY, tỉnh Q.

*(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị chị BTH trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh TVB về sống với nhau từ năm 2009 nhưng đến ngày 20/5/2011 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện SY, tỉnh Q, việc đăng ký kết hôn do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh B một thời gian, sau đó làm nhà ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh B sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng nhau nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh TVB.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung, là cháu TVĐ, sinh 29/8/2010 và cháu TVV, sinh ngày 22/4/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu TVV, còn anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu TVĐ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị xác định, chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng anh B không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương được biết, anh B có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐT, xã TQ, huyện SY, tỉnh Q, hiện anh B đi làm ăn xa trước đây thỉnh thoảng mới về nhà nhưng tại thời điểm giải quyết vụ án thì anh B thường xuyên có mặt ở nhà. Chính quyền địa phương không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B được tuy nhiên có thông báo cho anh B biết việc chị H đang đề nghị giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình tại Tòa án nhưng anh B không có ý kiến gì. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác tại địa phương nơi anh B cư trú theo quy định, nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện SY phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị BTH, xử cho chị BTH được ly hôn với anh TVB. Về con chung: Giao con chung là cháu TVV, sinh ngày 22/4/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu TVĐ, sinh 29/8/2010 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương  sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị BTH và anh TVB kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn,* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định bị đơn anh TVB hiện đang cư trú, sinh sống tại thôn ĐT, xã TQ, huyện SY, tỉnh Q. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh Q.

[3]. Anh TVB đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, chị BTH có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của chị BTH, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1]. Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh TVB: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh B đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị H và anh B về sống với nhau từ năm 2009 nhưng đến ngày 20/5/2011 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện SY, tỉnh Q, việc đăng ký kết hôn do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh B sống chung cùng gia đình nhà anh B một thời gian, sau đó làm nhà ra ở riêng tại thôn ĐT, xã TQ, huyện SY. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được, nhưng chị H và anh B đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, hiện không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Bản thân chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh B cũng được chính quyền địa phương thừa nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2]. Đối với yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: Chị H và anh B có 02 con chung, là cháu TVĐ, sinh 29/8/2010 và cháu TVV, sinh ngày 22/4/2013. Xét về điều kiện và hoàn cảnh; quyền và nghĩa vụ thì chị H và anh B như nhau. Cháu Điệp và cháu Văn đều trên 7 tuổi, cháu TVV có nguyện vọng được ở với mẹ, nguyện vọng của cháu TVĐ được ở với bố. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương, địa phương có ý kiến anh B đi làm ăn xa thỉnh thoảng

mới về nhà, nhưng tại thời điểm xét xử vụ án anh B thường xuyên có mặt ở nhà, có chỗ ở và thu nhập ổn định, chị H cũng đảm bảo mọi điều kiện để nuôi con chung, Tòa án nên giao cho chị H và anh B mỗi người nuôi dưỡng một cháu là phù hợp. Chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Văn, còn anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Điệp. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của chị H là có căn cứ cần được chấp nhận. Giao cháu TVV, sinh ngày 22/4/2013 cho chị BTH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu TVĐ, sinh 29/8/2010 cho anh TVB trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, về nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh B không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu của chị BTH.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị BTH được ly hôn với anh TVB.

2. Về con chung: Giao cháu TVV, sinh ngày 22/4/2013 cho chị BTH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu TVĐ, sinh 29/8/2010 cho anh TVB trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị BTH phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004426, ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, tỉnh Q. Anh TVB không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị BTH và anh TVB có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- UBND xã TQ (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Phạm Thị Quỳnh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Vinh - Lộc Thị Kim Thơm Phạm Thị Quỳnh**